TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/HS-ST
Ngày: 12-02-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Lâm**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Trần Văn Lâm**.

Ông **Nguyễn Văn Châu**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Thúy An** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà:

Ông **Nguyễn Hữu Liệt** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2018, đối với bị cáo:

Đặng Văn S, sinh năm 1998, tại huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp làm ruộng; trình độ học vấn 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn T (s) và bà Lê Thị H (s); vợ và con chưa có; tiền sự có 01 tiền sự, vào ngày 29 tháng 9 năm 2017, bị Trưởng Công an TT. Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng ra Quyết đinh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với số tiền là 750.000 đồng; tiền án có 01 tiền án, vào ngày 03 tháng 3 năm 2017, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 09 tháng 9 năm 2017; về nhân thân, vào ngày 05 tháng 02 năm 2013, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng ra Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn 24 tháng và chấp hành xong vào ngày 01 tháng 5 năm 2015; bị bắt tạm giam từ ngày 12 tháng 12 năm 2017 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1968; cư trú tại ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2. Ông **Lương Quang L1**, sinh năm 1969; cư trú tại ấp X, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có ý định đi trộm xe từ trước nên vào khoảng 23 giờ ngày 01 tháng 10 năm 2017, Đặng Văn S một mình đạp xe đạp từ nhà đến khu vực xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng tìm xe để trộm. Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 02 tháng 10 năm 2017, khi đến khu vực ấp P, xã H, S phát hiện nhà ông Nguyễn Văn L có hai chiếc xe mô tô. S cại cửa nhà sau, tháo thanh sắt cài cửa, rồi vào lấy chiếc xe mô tô biển số 65Gx-072.xx và bỏ lại chiếc xe đạp ngoài lộ. Theo bản kết luận định giá tài sản số 31/KL.ĐGTS ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận: Xe mô tô biển số 65Gx-072.xx, nhãn hiệu PREALMII, màu nâu, giá trị còn lại tại thời điểm bị chiếm đoạt là 3.600.000 đồng. Đến ngày 11 tháng 12 năm 2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Tú đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với S.

Ngoài ra, sau khi lấy được chiếc xe mô tô của ông L, đến ngày 04 tháng 10 năm 2017, S điều khiển chiếc xe trên đến khu vực ấp X, thuộc thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng tiếp tục tìm kiếm tài sản để trộm. Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 05 tháng 10 năm 2017, S lẽn vào khu vực Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện C thuộc ấp X bắt được một con gà trống của ông Lương Quang L1, chưa kịp tẩu thoát thì bị lực lượng Công an thị trấn C đi tuần tra bắt giữ. Theo bản kết luận định giá tài sản số 43/2017/HĐĐG-TCKH ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận: Con gà trống có đặc điểm màu trắng - đỏ - đen - vàng, nặng 2,6kg, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 247.000 đồng. Đến ngày 13 tháng 11 năm 2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành chuyển toàn bộ hồ sơ và vật chứng có liên quan cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Mỹ Tú xử lý theo thẩm quyền.

Trong quá trình điều tra, S đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Về bồi thường thiệt hại: Bị hại đã nhận lại tài sản xong và không có yêu cầu gì.

Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Tú đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu xong.

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Đặng Văn S về

tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo S đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như cáo trạng đã truy tố. Hành vi của bị cáo S đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo S về tội trộm cắp tài sản. Bị cáo S có nhân thân xấu, đó là một lần bị đưa vào trường giáo dưỡng, một lần bị xử phạt vi phạm hành chính, một lần bị Tòa án kết án về tội trộm cắp tài sản, nhưng bị cáo không biết ăn năn hối cải, sửa chữa lỗi lầm, mà sau khi chấp hành xong hình phạt tù được một thời gian ngắn lại tiếp tục phạm tội là tái phạm và phạm tội nhiều lần nên cần thiết phải xử lý thật nghiêm đối với bị cáo. Tuy nhiên, quá trình điều tra, bị cáo cũng thành khẩn khai báo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo S từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù. Về bồi thường thiệt hại, các bị hại đã nhận lại được tài sản và không có yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về xử lý vật chứng, trong giai đoạn điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý xong nên cũng đề nghị không đặt ra xem xét.

- Bị cáo S tự bào chữa: Nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, không có ý kiến gì.

- Lời nói sau cùng của bị cáo S: Bị cáo không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị hại là ông Nguyễn Văn L và ông Lương Quang L1 đều vắng mặt. Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt hai người này, còn bị cáo S thì không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử nhận thấy, quá trình điều tra, ông L và ông L1 đã có lời khai tại cơ quan điều tra, hai ông đã nhận lại được tài sản của mình và không có ý kiến gì. Căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp.

[3] Bị cáo Đặng Văn S đã có hành vi đó là vào khoảng 01 giờ sáng ngày 02 tháng 10 năm 2017, lẽn vào nhà ông Nguyễn Văn L, ở ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng lấy một chiếc xe mô tô biển số 65Gx-072.xx, nhãn hiệu PREALMII, màu nâu; tiếp đến vào khoảng 01 giờ sáng ngày 05 tháng 10 năm 2017, S dùng chiếc xe này chạy ra huyện C, tỉnh Sóc Trăng, lẽn vào Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện C, ở ấp X, thị trấn C, huyện C, bắt của ông Lương Quang L1 một con gà trống có đặc điểm màu trắng - đỏ - đen - vàng, nặng 2,6kg. Như vậy, bị cáo S đã có hành vi lén lút nhằm chiếm đoạt tài sản là chiếc xe mô tô biển số 65Gx-072.xx của ông L và con gà trống của ông L1 có đặc điểm màu trắng, đỏ, đen, vàng, nặng 2,6kg. Theo kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thì trị giá chiếc xe mô tô biển số 65Gx-072.xx là 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng), còn con gà trống trị giá là 247.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bảy nghìn đồng), tổng trị giá tài sản bị cáo S chiếm đoạt của bị hại L và L1 là 3.847.000 đồng (Ba triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn đồng). Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 có quy định: *"Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm"*. Như vậy, bị cáo S phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[4] Do đó, Viện kiểm sát cùng cấp truy tố bị cáo S về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

[5] Hội đồng xét xử nhận thấy, hành vi phạm tội của bị cáo S là nguy hiểm đáng kể cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp; đồng thời, bị cáo có nhân thân xấu, đó là hai lần bị xử lý hành chính, trong đó có một lần đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính, đặc biệt là có một tiền án, đến ngày phạm tội chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm, mặt khác cả hai lần bị cáo lấy trộm tài sản của ông L và ông L1 đều đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản là phạm tội nhiều lần, đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thuộc điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại cơ quan cảnh sát điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên đối với bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo hình phạt tù, để nhằm tiếp tục giáo dục

bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới.

[6] Như vậy, tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và đề nghị xử phạt bị cáo S từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù là có căn cứ pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Về bồi thường thiệt hại: Trong quá trình điều tra, bị hại L và L1 đã nhận lại đầy đủ tài sản và các ông không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý xong nên Hội đồng xét xử cũng không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo S là người bị kết án nên bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm g, p khoản 1 Điều 46 và Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Đặng Văn S phạm tội "Trộm cắp tài sản". Phạt bị cáo Đặng Văn S **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 12 tháng 12 năm 2017).

2. Về bồi thường thiệt hại: Bị hại Nguyễn Văn L và Lương Quang L1 không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý xong nên cũng không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Đặng Văn S chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; còn bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Lâm

Nơi nhận:
- *Bị cáo;*
- *Bị hại;*
- *VKSND huyện Mỹ Tú;*
- *VKSND tỉnh Sóc Trăng;*
- *Cơ quan THAHS Công an huyện Mỹ Tú;*
- *TAND tỉnh Sóc Trăng;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*